

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 173/TTr-SNN ngày 05 tháng 12 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 theo nội dung chi tiết đính kèm.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 theo đúng nội dung được phê duyệt và quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như Điều 3 (T/hiện);
- TT TU, HĐND tỉnh (B/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Huyện, Thành ủy;
- LĐVP (Ô.Thất);
- Lưu: VT, Hoàn, Khời, Cúc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thị Minh Hoa**



**PHƯƠNG ÁN  
SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 2510 /QĐ-UBND ngày 13 / 12 / 2019  
của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

Để chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp vụ Xuân năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỘT SỐ KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP NĂM 2019**

**1. Trồng trọt**

**1.1. Cây lương thực có hạt**

Dự ước sản lượng lương thực có hạt năm 2019 đạt 175.722/175.000 tấn, đạt 100% kế hoạch, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2018, lương thực bình quân đầu người ước đạt trên 558 kg/người/năm.

- Cây lúa: Tổng diện tích gieo cấy lúa ruộng 23.213/22.400 ha đạt 104% kế hoạch và bằng 99% cùng kỳ năm 2018; năng suất bình quân ước đạt 49,78 tạ/ha; sản lượng ước đạt 115.548/110.155 tấn, đạt 104% kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2018. Diện tích giống lúa chất lượng đạt 3.822/3.750 ha, đạt 102% kế hoạch.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 14.374/15.000 ha đạt 96% KH, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2018; năng suất ngô cả năm ước đạt 42,46 tạ/ha; sản lượng ước đạt 61.027/64.846 tấn, đạt 94% kế hoạch và bằng 96% so với cùng kỳ năm 2018.

**1.2. Công tác cung ứng giống**

Việc cung ứng các loại giống lúa, ngô trong năm 2019 đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phần lớn diện tích được trồng giống lúa, ngô theo cơ cấu chỉ đạo, cụ thể:

+ Vụ xuân: Giống lúa có 38 loại giống gieo trồng trên địa bàn tỉnh, trong đó giống trong cơ cấu 11 giống, chiếm 72% diện tích gieo trồng, giống ngoài cơ cấu 27 giống, chiếm 28% diện tích gieo trồng. Giống ngô có 31 loại giống, trong đó giống trong cơ cấu 11 giống, chiếm 68% diện tích gieo trồng, giống ngoài cơ cấu 20 giống, chiếm 32% diện tích gieo trồng.

+ Vụ mùa: Có 28 giống lúa, lượng giống trong cơ cấu chỉ đạo chiếm 85% tổng diện tích gieo cấy, lượng giống ngoài cơ cấu chỉ đạo chiếm 15% tổng diện tích; có 24 giống ngô, lượng giống trong cơ cấu chỉ đạo chiếm 60% tổng diện tích gieo trồng lượng giống ngoài cơ cấu chỉ đạo chiếm 40% tổng diện tích.

### **1.3. Các chỉ tiêu khác**

- Cây chất bột: Cây khoai môn thực hiện 229 ha, sản lượng ước đạt 2.125/2.456 tấn đạt 89% kế hoạch. Cây khoai lang 527 ha, sản lượng ước đạt 2.626/2.413 tấn, bằng 110,9% kế hoạch. Dong riềng 468 ha, sản lượng ước đạt 34.454/58.050 tấn, đạt 58% kế hoạch giao.

- Cây rau, đậu đỗ các loại: Cây rau thực hiện được 2.882 ha, sản lượng ước đạt 36.289/33.793 tấn đạt 108% kế hoạch. Đậu đỗ các loại đạt 672 ha, sản lượng ước đạt 846/904 tấn đạt 92,8% kế hoạch.

- Cây công nghiệp: Đậu tương thực hiện được 596 ha, sản lượng ước đạt 1.022/1.161 tấn đạt 88% kế hoạch. Cây lạc đạt 541 ha, sản lượng ước đạt 1.028/957 tấn đạt 107% kế hoạch. Cây thuốc lá đạt 869 ha, sản lượng đạt 1.856/2.141 tấn đạt 87% kế hoạch. Cây mía đạt 96 ha, sản lượng 4.077/3.500 tấn đạt 116% kế hoạch. Cây gừng đạt 220 ha, sản lượng ước đạt 5.964/8.445 tấn đạt 71% kế hoạch. Cây nghệ đạt 139 ha, sản lượng ước đạt 3.475/3.125 tấn đạt 111% kế hoạch. Cây chè đạt 2.168 ha, diện tích cho thu hoạch 1.938 ha, sản lượng ước đạt 9.445/10.000 tấn đạt 94,5% kế hoạch; diện tích chè thực hiện cải tạo thâm canh chè 132/150 ha đạt 88% kế hoạch, diện tích chè được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP, chè hữu cơ là 60/60 ha đạt 100% kế hoạch.

- Cây ăn quả:

+ Cây cam, quýt: Diện tích hiện có 3.161 ha, diện tích cho thu hoạch 2.222 ha, sản lượng ước đạt 22.379/17.500 tấn đạt 128% kế hoạch; diện tích cam, quýt cải tạo, thâm canh là 503/500 ha đạt 101% kế hoạch; diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP là 41/50 ha đạt 82% kế hoạch; trồng mới là 76/180 ha đạt 42% kế hoạch.

+ Cây hồng không hạt: Diện tích hiện có 739 ha, diện tích cho thu hoạch 418 ha, sản lượng ước đạt 1.807/2.348 tấn đạt 77% kế hoạch; diện tích cải tạo, thâm canh là 33/150 ha đạt 22% kế hoạch; diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP là 03/08 ha đạt 38% kế hoạch; trồng mới là 27/60 ha đạt 45% kế hoạch.

+ Cây ăn quả khác: Diện tích cây mơ hiện có 497 ha, diện tích cho thu hoạch 264 ha, sản lượng đạt 1.549 tấn. Diện tích cây mận hiện có 702 ha, diện tích cho thu hoạch 433 ha, sản lượng đạt 2.122 tấn. Diện tích cây chuối hiện có 1.452 ha, diện tích cho thu hoạch 1.304 ha, sản lượng đạt 15.542 tấn

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa đạt 270/342 ha, đạt 79% kế hoạch; duy trì diện tích đã chuyển đổi từ năm 2018 là 1.341/1.386 ha, đạt 97% kế hoạch.

- Diện tích đất ruộng, soi bãi đạt 100 triệu đồng trên ha trở lên đạt 3.400/3.400 ha đạt 100% kế hoạch giao.

### **1.4. Tình hình sâu bệnh và công tác phòng trừ**

Năm 2019, điều kiện thời tiết thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh, phát triển và gây hại. Tuy nhiên, thông qua công tác chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, đa số các hộ dân đã kịp thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra, cụ thể:

- Trên cây lúa: *Ốc bươu vàng* gây hại 166 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 17 ha, người dân đã tích cực phòng trừ nên không có diện tích phải cấy lại; *bọ rầy* gây hại mạnh 403 ha từ đầu tháng 5 trên các giống Khang dân 18, Tạp giao 1, Sơn lâm 2, Nhị ưu 63, nhị ưu 838, tạp giao 1, PC6, Hoa khô 4, Nếp 97,... trong đó diện tích nhiễm nặng 53 ha, đã phun phòng trừ 463 ha; *bệnh đạo ôn lá* gây hại 139 ha trên giống QR1, giống lúa nếp DS1, J02, J04, PC6,... người dân đã phun phòng toàn bộ diện tích nhiễm; *bệnh đạo ôn cổ bông* gây hại 02 ha; *bệnh khô vằn* gây hại 09 ha, *đốm sọc vi khuẩn* gây hại 08 ha,...

- Trên cây ngô: *Sâu keo mùa thu* gây hại 797 ha, trong đó nhiễm nặng 346 ha; trên các diện tích bị sâu keo mùa thu gây hại người dân đã phun trừ bằng thuốc hóa học và bắt thủ công; *sâu đục thân* nhiễm nhẹ 16 ha; *sâu gai* nhiễm nhẹ đến trung bình 20 ha; *bệnh lùn sọc đen* nhiễm nhẹ 01 ha, bà con đã chủ động nhổ bỏ cây bị bệnh và phun phòng trừ.

- Cây gừng *bệnh thối nhũn* gây hại cục bộ tại huyện Chợ Mới, tổng diện tích nhiễm 15 ha trong đó nhiễm nhẹ đến trung bình 11 ha, nhiễm nặng 4 ha.

- Các cây trồng khác sâu bệnh gây hại nhẹ cả về thành phần, mật độ và tỷ lệ hại; cơ quan chuyên môn đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường công tác điều tra dự tính, dự báo và định kỳ ban hành thông báo hướng dẫn bà con phòng trừ dịch hại.

## **2. Chăn nuôi, thủy sản**

### **2.1. Chăn nuôi:**

- Công tác phát triển sản xuất chăn nuôi:

Năm 2019, tổng đàn các loại vật nuôi giảm so với cùng kỳ năm 2018, đặc biệt đàn lợn giảm mạnh do trên địa bàn tỉnh xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu Phi, cụ thể:

Đối với đàn đại gia súc: Thực hiện 89.627 con/106.800 con KH đạt 84%, trong đó số con xuất chuồng là 22.627 con (*Trâu 15.467 con, bò 6.568 con, ngựa 592 con*), tương đương với sản lượng thịt hơi xuất bán 5.093 tấn, bằng 106,3% so với năm 2018.

Đối với đàn lợn: Thực hiện 318.014 con/503.300 con KH, đạt 63%, trong đó số con xuất chuồng 199.709 con, tương đương với sản lượng thịt lợn hơi xuất bán 13.780 tấn, bằng 93% so với năm 2018.

Đối với đàn dê: Thực hiện 30.004 con/35.400 con KH, đạt 85%, trong đó số con xuất chuồng 11.081 con, tương đương với sản lượng thịt dê hơi xuất bán 244 tấn, bằng 108,3% so với năm 2018.

Đối với gia cầm: Thực hiện 4.041.666 con/3.480.000 con KH, đạt 116%, trong đó số con xuất chuồng 1.773.648 con, tương đương với sản lượng thịt gia cầm hơi xuất bán 2.660 tấn, bằng 154% so với năm 2018.

Sản lượng thịt hơi các loại năm 2019 ước đạt 21.777 tấn/25.000 tấn, đạt 87% kế hoạch, bằng 97% so với năm 2018.

- Công tác thú y: Đề kịp thời phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh, ngay từ đầu năm ngành đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quyết định, kế hoạch để triển khai, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các địa phương đang tổ chức tiêm phòng đợt 2 năm 2019 cho đàn vật nuôi đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

Đối với công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi: Đến ngày 06/12/2019, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra 4.267 hộ, 703 thôn thuộc 116 xã, phường, thị trấn, số lợn mắc bệnh và nhiễm bệnh phải tiêu hủy hơn 1.200 tấn. Sau thời gian tập trung chống dịch, bệnh DTLCP đã tạm lắng, mức độ lây lan giảm, trong số các xã, phường, thị trấn có dịch, đến nay đã có trên 50 xã, phường, thị trấn công bố hết dịch và có trên 20 xã, phường, thị trấn dịch đã qua 30 không phát sinh thêm ổ dịch mới, cơ quan chuyên môn đang phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, đề nghị công bố hết dịch với các xã đủ điều kiện và chỉ đạo người chăn nuôi tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định. Tổng kinh phí thực hiện cho công tác phòng, chống dịch khoảng 51 tỷ đồng. Ngoài ra, các địa phương sử dụng hóa chất khử trùng các loại 23.019 lít, 140,5 tấn vôi bột, 1.280 bộ quần áo, khẩu trang 800 chiếc, gang tay 800 đôi.

- Tình hình thiệt hại do thiên tai: Do điều kiện thời tiết rét đậm, rét hại trên địa bàn tỉnh đầu năm 2019, đã làm 55 con gia súc bị chết rét (trâu: 18 con, bò 05 con, bê 02 con, nghé 27 con, dê 03 con).

## **2.2. Thủy sản**

- Diện tích nuôi trồng thực hiện 1.367 ha/1.367 ha, đạt 100% kế hoạch. Diện tích nuôi chủ yếu tại các ao đập ngăn khe quy mô nhỏ; ngoài ra trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.500 m<sup>3</sup> lồng nuôi (cá rô phi, cá trắm cỏ, cá chép, cá chày đất, cá võng,...) tại các hồ có diện tích mặt nước lớn.

- Về công tác thú y thủy sản: Trong kỳ đã tổ chức lấy 09 mẫu giám sát tại xã Kim Lư, huyện Na Rì gửi đi phân tích, kết quả 06 mẫu âm tính, 02 mẫu cá chép dương tính với virus KHV, 01 mẫu cá rô phi dương tính với vi khuẩn gây bệnh Streptococcus, đơn vị chuyên môn đã phối hợp với địa phương hướng dẫn hộ nuôi tiêu hủy số cá bị bệnh, và áp dụng các biện pháp phòng và điều trị bệnh.

## **3. Lâm nghiệp**

- Tổng diện tích trồng rừng năm 2019 là 6.759/5.735 ha, đạt 118% kế hoạch, trong đó trong đó trồng phân tán 3.050 ha, trồng tập trung 3.709 ha; diện tích trồng cây gỗ lớn 3.610 ha chiếm 53% diện tích rừng trồng. Diện tích rừng đã trồng đang trong chu kỳ chăm sóc trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 - 2018 là 10.490 ha, trong đó rừng phòng hộ 161 ha, rừng sản xuất 10.329 ha. Tỷ lệ che phủ rừng 72,56 %.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng: Tổ chức được 1.008 cuộc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng với 36.559 lượt người tham gia. Thực hiện tốt việc trực phòng cháy chữa cháy, thường xuyên tổ chức tuần tra vùng trọng điểm nhằm xử lý kịp thời các tình huống xảy ra nên trong 9 tháng đầu năm 2019 không xảy ra cháy rừng. Lập biên bản 212 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 230 m<sup>3</sup> gỗ các loại (giảm 330 m<sup>3</sup>

so với cùng kỳ năm 2018), tổng các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước trên 2,2 tỷ đồng.

- Hoạt động tại các Khu bảo tồn: Đã thực hiện hỗ trợ gói 40 triệu cho 06/56 cộng đồng thôn vùng đệm; tổ chức tuần tra và truy quét được 1.054 lượt với 4.492 lượt người tham gia. Việc kiểm tra, truy quét tập trung tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ khai thác rừng, khai thác khoáng sản trái phép góp phần hiệu quả trong phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện sớm các hành vi vi phạm trong khu bảo tồn. Tại hai khu bảo tồn hiện nay đã cấp giấy chứng nhận sử dụng cho 626/633 chiếc cửa xăng đạt 99%, trong đó thực hiện quản lý tập trung được 195/626 chiếc đạt 31%.

#### **4. Tình hình thiên tai**

Trong 9 tháng đầu năm 2019, thời tiết diễn biến phức tạp, đã xảy ra các đợt mưa kèm theo tố lốc trên diện rộng, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và sản xuất nông nghiệp, cụ thể đã có 01 người chết, 04 người bị thương, 2.840 nhà ở bị tốc mái, hư hỏng, 515 ha hoa màu bị ảnh hưởng, 512 con vật bị chết, 06 ha ao nuôi thủy sản bị vỡ, tràn bờ, 65 công trình bị hư hỏng... Ước thiệt hại khoảng 28.773 triệu đồng. Trước tình hình trên, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố bị ảnh hưởng chủ động chỉ đạo nhân dân bảo vệ tốt con người, khắc phục thiệt hại theo phương châm "4 tại chỗ", đồng thời thành lập đoàn công tác xuống các địa phương bị thiệt hại trực tiếp chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả.

#### **5. Đánh giá chung kết quả đạt được và giải pháp chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu 2019**

##### **5.1. Kết quả đạt được**

Các chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 cơ bản đạt theo kế hoạch như: Sản lượng lương thực có hạt, sản lượng cam, quýt, diện tích và sản lượng cây rau vượt kế hoạch đề ra; đặc biệt công tác phát triển rừng đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó có chỉ tiêu về trồng rừng cây gỗ lớn. Với mục tiêu của Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 15/01/2016 của Tỉnh ủy đưa ra phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có trên 10.000 ha cây gỗ lớn, đến nay, diện tích cây gỗ lớn trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt 13.891/10.000 ha đạt 139% KH (cập nhật đến tháng 7/2019); ngoài ra các địa phương còn tập trung phát triển một số cây trồng có thể mạnh như: Cây chuối, dược liệu... mang lại hiệu quả kinh tế cao.

##### **5.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số chỉ tiêu về cây trồng vật nuôi chưa đạt theo kế hoạch đề ra, đặc biệt là một số cây trồng chính như: Dong riềng, thuốc lá, hồng không hạt... số lượng tổng đàn vật nuôi đạt thấp... nguyên nhân do:

- Công tác chỉ đạo sản xuất của ngành chưa sâu sát, một số cơ sở chưa chủ động, quyết liệt. Chính quyền một số địa phương thiếu quan tâm và kiên quyết trong chỉ đạo sản xuất từ kế hoạch gieo trồng cũng như tìm nơi tiêu thụ, chưa thật sự vào cuộc tháo gỡ khó khăn cho người dân.

- Qua khảo sát, một lực lượng lớn lao động tại các địa phương đã chuyển đổi sang công việc khác, nhất là nguồn lao động trẻ có trình độ, do vậy việc tiếp cận tiến bộ kỹ thuật và tư duy sản xuất nông nghiệp hàng hóa hạn chế, việc chuyển đổi lực lượng lao động sang công việc khác dẫn đến lao động trong nông nghiệp thiếu hụt, nhiều diện tích canh tác bị bỏ hoang, không có nhân lực chăm sóc đàn vật nuôi.

- Về trồng trọt:

+ Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa chưa đạt do các địa phương còn lúng túng trong việc lập kế hoạch chuyển đổi cũng như xác định loại cây chuyển đổi mang lại hiệu quả. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng chỉ dựa trên việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện, chưa có cơ chế hỗ trợ trực tiếp do đó hiệu quả chưa cao.

+ Việc sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa, quy mô lớn còn hạn chế, vẫn chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm tạo ra chưa nhiều chủ yếu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; do vậy người dân chưa chú trọng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ATTP... để cung cấp cho các hệ thống siêu thị, các thị trường lớn, việc bao tiêu sản phẩm gặp nhiều khó khăn dẫn đến các chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch.

- Về chăn nuôi: Trong 9 tháng đầu năm, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên đàn vật nuôi; giá bán đầu ra sản phẩm chăn nuôi không ổn định, công tác lưu thông, tiêu thụ, giải quyết thị trường đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi còn hạn chế; tâm lý người chăn nuôi chưa thực sự tin tưởng, mạnh dạn đầu tư vào chăn nuôi dẫn đến chưa thúc đẩy chăn nuôi phát triển.

+ Đối với đàn đại gia súc: Diện tích chăn thả bị thu hẹp do việc phát triển trồng rừng ngày càng tăng; tác động của việc cơ giới hóa trong nông nghiệp chăn nuôi trâu bò ít được sử dụng vào mục đích để cày kéo; thiếu nguồn lao động, trong khi đó chăn nuôi trâu, bò đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chăn dắt, quản lý; mặt khác chăn nuôi trâu, bò đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn,... dẫn đến nhiều hộ không chăn nuôi trâu bò, hoặc bán chuyển cơ cấu sang loài vật nuôi khác.

+ Đối với đàn lợn: Từ tháng 3/2019 đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, làm cho số lượng lợn mắc bệnh phải tiêu hủy tăng cao, tại nhiều địa phương chưa công bố hết dịch nên chưa tổ chức tái đàn lợn dẫn đến tổng đàn giảm mạnh và không đạt theo kế hoạch đề ra.

### **5.3. Giải pháp đã triển khai thực hiện**

- Chỉ đạo các địa phương tập trung mọi nguồn lực để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND, ngày 10/12/2018 và Phương án tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2019 tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các địa phương tập trung mọi nguồn lực để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra tại Phương án phát triển chăn nuôi các tháng cuối năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc bám sát cơ sở, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân; chủ động và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn thâm canh tăng năng suất trên diện tích các cây trồng, chăn nuôi theo hướng an toàn đảm bảo kế hoạch được giao.

## **II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2020**

### **1. Mục tiêu**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

- Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông lâm nghiệp năm 2020 đạt 3,5%.

- Tiếp tục chỉ đạo giảm dần các giống lúa dài ngày, tăng cường sử dụng các giống ngắn ngày có năng suất cao, chất lượng tốt; chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa, ngô sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn. Phát triển một số cây trồng có thể mạnh của từng địa phương. Tổ chức sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, tăng giá trị sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhất là tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi; sử dụng các giống bản địa có ưu thế về chất lượng để nâng hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông lâm và thủy sản.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi theo hướng ưu tiên tập trung đầu tư cho những công trình trọng điểm, những công trình thiết yếu, quan trọng, nhằm phát huy hiệu quả và bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất; đề xuất được các giải pháp quản lý công trình và phí công trình cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, đáp ứng được mục tiêu nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Trồng trọt**

- Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích gieo trồng 16.998 ha, tổng sản lượng lương thực có hạt là 86.699 tấn, trong đó ưu tiên sản xuất các loại giống lúa chất lượng và các giống ngô năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái và trình độ canh tác của tỉnh Bắc Kạn.

- Phấn đấu thực hiện đảm bảo diện tích các cây trồng ngắn ngày như rau, đậu các loại đạt 1.791 ha; các loại cây công nghiệp đạt 3.853 ha.

- Tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm đối với các loại cây trồng như nghệ, dong riềng.

- Cây ăn quả, chè: Đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng và đạt các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ATTP...



- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa là 1.883 ha, trong đó tiếp tục duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 và năm 2019 là 1.610 ha, tiếp tục chuyển đổi diện tích 273 ha trong năm 2020. Thực hiện các công thức luân canh để đạt 3.500 ha đất nông nghiệp đạt mức thu nhập từ 100 triệu đồng/ha/năm trở lên trong năm 2020.

1.2.2. *Chăn nuôi, thủy sản*: Phần đầu trong năm 2020 đạt các chỉ tiêu sau:

- Sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng 22.000 tấn, trong đó:

+ Sản lượng thịt trâu bò ngựa hơi 4.881 tấn.

+ Sản lượng thịt lợn hơi 13.301 tấn.

+ Sản lượng thịt dê hơi 369 tấn.

+ Sản lượng thịt gia cầm hơi 3.473 tấn.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản 1.392 ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản 2.515 tấn.

- Phát triển 10 mô hình chăn nuôi theo quy mô trang trại, nông hộ tập trung.

1.2.3. *Lâm nghiệp*

- Trồng rừng đạt 5.900 ha, trong đó trồng rừng phân tán 1.900 ha; trồng lại rừng sau khai thác 4.000 ha.

- Sản lượng gỗ khai thác đạt 255.900 m<sup>3</sup>.

## **2. Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2020**

### **2.1. Trồng trọt**

- Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích gieo trồng 16.998 ha, tổng sản lượng lương thực có hạt là 86.699 tấn.

+ Cây lúa: Diện tích 8.300 ha, năng suất lúa hơn 56 tạ/ha; sản lượng 46.728 tấn. Trong đó diện tích sử dụng giống lúa chất lượng như lúa Japonica VAAS16 (QJ4), DS1, PC6, nếp 97... là 1.470 ha (Trong đó nhóm Japonica là 270 ha); diện tích sản xuất lúa chất lượng gắn với tiêu thụ sản phẩm là 220 ha, góp phần tăng thu nhập cho người sản xuất (trồng lúa Japonica đạt từ 15-18 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn trồng lúa Khang dân từ 10 triệu đồng trở lên/ha/vụ).

+ Cây ngô: Diện tích 8.698 ha, năng suất 46 tạ/ha; sản lượng 39.971 tấn.

- Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa là 1.883 ha, trong đó tiếp tục duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 và năm 2019 là 1.610 ha, tiếp tục chuyển đổi diện tích 273 ha trong năm 2020;

- Cây chất bột: Tổng diện tích cây chất bột đạt 1.002 ha, trong đó khoai lang diện tích đạt 230 ha, sản lượng 1.180 tấn; khoai môn diện tích đạt 252 ha, sản lượng 2.332 tấn. Dong riềng diện tích đạt 520 ha, sản lượng 39.175 tấn; diện tích trồng giống địa phương là 170 ha; diện tích thâm canh lên luống 150 ha, phần đầu thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Cây rau, đậu: Tổng diện tích trồng rau, đậu các loại 1.719 ha, bao gồm rau các loại 1.390 ha, sản lượng 17.895 tấn; đậu các loại 329 ha, sản lượng 419 tấn.

Trong đó, diện tích trồng rau được trồng ứng dụng công nghệ cao là 02 ha (cả năm) diện tích chứng nhận an toàn thực phẩm 08 ha (cả năm).

- Cây công nghiệp: Tổng diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ Xuân 1.833 ha, trong đó, đậu tương 235 ha, sản lượng 412 tấn; cây lạc 270 ha, sản lượng 560 tấn; cây thuốc lá 855 ha, sản lượng 2.013 tấn; cây gừng 260 ha, sản lượng 7.414 tấn; cây nghệ 95 ha, sản lượng 2.140 tấn.

- Cây chè: Chăm sóc 2.020 ha chè hiện có để đảm bảo diện tích chè cho thu hoạch 1.915 ha, sản lượng chè búp tươi thu được (cả năm) đạt 9.319 tấn. Trong đó diện tích cải tạo, thâm canh 150 ha, diện tích được chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc VietGAP, chè hữu cơ 70 ha.

- Cây ăn quả:

+ Cây cam quýt: Chăm sóc diện tích 3.161 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch là 2.222 ha, năng suất 105 tạ/ha, sản lượng 23.362 tấn. Trong đó diện tích được chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc VietGAP 50 ha, diện tích thâm canh, cải tạo 585 ha, trồng mới 80 ha (cam sành, cam xã Đoài).

+ Cây hồng không hạt: Chăm sóc diện tích 765 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 473 ha, sản lượng 2.282 tấn. Trong đó diện tích được chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc VietGAP là 07 ha, diện tích thâm canh, cải tạo 55 ha, trồng mới 55 ha.

+ Cây mơ: Chăm sóc diện tích 523 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 264 ha, sản lượng 1.975 tấn. Trong đó diện tích được chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc VietGAP 35 ha, diện tích thâm canh, cải tạo 40 ha, trồng mới 40 ha.

+ Cây mận: Chăm sóc diện tích 696 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 435 ha, sản lượng 2.158 tấn.

+ Cây chuối: Chăm sóc diện tích 1.325 ha để đảm bảo sản lượng 14.820 tấn.

- Năm 2020, diện tích đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng/ha trở lên đạt 3.500 ha.

*(Chi tiết theo biểu 1 đính kèm)*

## **2.2. Chăn nuôi, thú y**

### **2.2.1. Chăn nuôi**

Tăng cường công tác chăm sóc, nuôi dưỡng bảo vệ sức khỏe cho đàn vật nuôi; khuyến khích người chăn nuôi tái đàn, phát triển ổn định về tổng đàn vật nuôi sau dịp tết Nguyên đán năm 2020; xác định loài vật nuôi phù hợp thay thế đàn lợn thiếu hụt do không tái đàn lợn để hạn chế nguy cơ bùng phát trở lại Bệnh dịch tả lợn Châu phi; hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học và thực hiện tốt công tác phát triển chăn nuôi theo kế hoạch giao.

### **2.2.2. Thú y**

- Xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi năm 2020 và thực hiện tiêm phòng định kỳ đợt 1 năm 2020 đảm bảo tiến độ.

- Thực hiện công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ hạn chế dịch bệnh lây lan qua đường vận chuyển; kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y của các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ.

### **2.3. Trồng rừng và chăm sóc rừng**

#### **2.3.1. Bảo vệ rừng**

- Khoán bảo vệ rừng: 95.070,00 ha
- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 168.085,00 ha

#### **2.3.2. Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng**

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 2.095 ha
- Trồng rừng: 5.900 ha
- Chăm sóc rừng trồng các năm: 6.175,95 ha

*(Chi tiết theo biểu 2 đính kèm)*

#### **2.3.4. Sản lượng khai thác gỗ năm 2020: Đạt 255.900 m<sup>3</sup>.**

*(Chi tiết theo biểu 3 đính kèm)*

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Tổ chức đánh giá tiềm năng và năng lực cụ thể của từng địa phương để giao chỉ tiêu thực hiện đảm bảo đạt kế hoạch đề ra.

- Chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo sản xuất, đặc biệt cấp cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô hộ nhỏ lẻ sang quy mô hợp tác xã; tổ chức sản xuất theo kế hoạch và yêu cầu của thị trường.

- Các địa phương phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp và PTNT để xác định cây trồng thích hợp với điều kiện địa phương nhằm thống nhất trong chỉ đạo sản xuất từ khâu kế hoạch trồng cũng như tiêu thụ, tháo gỡ khó khăn cho người dân trong sản xuất.

- Cử cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và chuyên môn xuống cơ sở hướng dẫn trực tiếp cho người dân về kỹ thuật trong trồng trọt, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi và nuôi trồng thủy sản đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả.

- Rà soát lại diện tích đất lúa ở từng địa phương, xác định diện tích chuyển đổi đất lúa sang cây trồng có giá trị cao hơn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Chính phủ về chuyển đổi đất lúa.

- Thường xuyên kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp tại cơ sở, đặc biệt vào thời điểm trước khi bước vào vụ sản xuất. Phát hiện và kiến quyết xử lý các trường hợp vi phạm trong sản xuất, kinh doanh cây giống, con giống kém chất lượng, giống không rõ nguồn gốc, gây thiệt hại cho người dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đột xuất, lấy mẫu giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm sản trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện tốt Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 28/6/2017 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020.

## **2. Trồng trọt**

- Bố trí bộ giống lúa phù hợp theo từng vùng sản xuất, những giống có cùng thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh học giống nhau cần bố trí tập trung tạo vùng sản xuất với diện tích lớn, để thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch; không bố trí nhiều giống trên một cánh đồng; ưu tiên sử dụng các giống có năng suất, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với khả năng đầu tư thâm canh của địa phương.

- Hướng dẫn nông dân gieo trồng đảm bảo theo khung thời vụ đối với từng loại cây trồng; thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật từ khâu gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch.

- Làm tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh; tham mưu kịp thời cho các cấp, ngành chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả; quản lý tốt chất lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

## **3. Chăn nuôi, thủy sản**

Cơ cấu lại loài vật nuôi, trong thời điểm bệnh dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế cần tập trung phát triển những loài vật nuôi có tiềm năng và lợi thế theo hướng trang trại và chuyên nghiệp hóa chăn nuôi nông hộ; đẩy mạnh công tác lưu thông, tiêu thụ, giải quyết thị trường đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn, cụ thể:

- Tập trung phát triển gia súc ăn cỏ (trâu, bò)... gắn với trồng cỏ kết hợp tận dụng các nguồn thức ăn tự nhiên, phụ phẩm nông nghiệp để chế biến thức ăn; chú trọng đầu tư chăn nuôi nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm theo chiều sâu, tăng trọng lượng xuất chuồng, tỷ lệ xẻ thịt và chất lượng thịt.

- Phát triển chăn nuôi gia cầm để bù đắp lượng thịt thiếu hụt từ nguồn cung thịt lợn bị tiêu hủy do bệnh DTLCP.

- Tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có từ những chuồng nuôi lợn để trống để chuyển đổi loài nuôi như: Vĩ béo trâu, bò, chăn nuôi gia cầm để đảm bảo nguồn thực phẩm phục vụ tại chỗ và xuất ra ngoài địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích những trang trại chăn nuôi lợn an toàn trên địa bàn sản xuất con giống cung cấp cho nhân dân địa phương tái đàn lợn sau dịp tết nguyên đán.

- Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án do Trung ương hỗ trợ phát triển chăn nuôi,... bố trí thêm các nguồn ngân sách thực hiện; đồng thời khuyến khích, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các dự án phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, đảm bảo an toàn sinh học, có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở, kết hợp hài hoà giữa lợi ích

kinh tế và lợi ích về môi trường; làm tốt công tác tư vấn cho các hộ chăn nuôi sử dụng kinh phí hỗ trợ tiêu hủy lợn mắc bệnh DTLCP sử dụng kinh phí đúng mục đích, chuyển đổi sang các loại vật nuôi phù hợp để phát triển kinh tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh và xử lý môi trường để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, như: Hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP), chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, sử dụng các chế phẩm tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi, chế phẩm xử lý môi trường,... nhằm tạo ra các sản phẩm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

- Tăng cường cập nhật thông tin, công tác dự báo về xu thế, tình hình chăn nuôi, thị trường giá cả; hỗ trợ công tác quảng bá sản phẩm; kết nối thị trường khuyến khích các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong ngoài tỉnh đăng ký vùng nguyên liệu, thỏa thuận, tổ chức ký cam kết tiêu thụ sản phẩm trực tiếp với người chăn nuôi để tạo sự ổn định về đầu ra và giá cả, góp phần thúc đẩy sản xuất.

- Tập trung lựa chọn một số sản phẩm chăn nuôi chủ lực (thịt trâu, bò khô, lạp sườn,..) để xây dựng thương hiệu, liên doanh, liên kết với các cửa hàng, siêu thị, đáp ứng các điều kiện, thủ tục đưa các sản phẩm chăn nuôi vào hệ thống siêu thị và chuỗi các cửa hàng thực phẩm sạch,...

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác tiêm phòng định kỳ cho đàn vật nuôi để bảo vệ đàn vật nuôi; xây dựng các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; gắn chăn nuôi với đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, xử lý chất thải theo quy định; thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo đúng quy định của Luật Thú y.

- Đẩy mạnh công tác nuôi trồng, thủy sản, tập trung thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong chăm sóc, nuôi trồng, quản lý sức khỏe động vật thủy sản để tăng năng suất, sản lượng.

#### **4. Lâm nghiệp**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có. Tăng cường chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm bám nắm địa bàn được phân công, theo hướng quản lý rừng “tận gốc”, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp ngay tại cơ sở; tập trung bảo vệ rừng, ngăn chặn khai thác trái phép gỗ rừng tự nhiên trong các khu rừng đặc dụng, các khu rừng phòng hộ trọng yếu và tại các khu vực giáp ranh và chống chặt phá rừng để lấy đất sản xuất, trồng rừng, chuyển sang mục đích khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện hiệu quả chính sách, chương trình, dự án về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh bao gồm giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi rừng; hỗ trợ cộng đồng thôn bản vùng đệm các khu rừng đặc dụng...

- Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc việc trồng lại rừng sau khai thác phải thực hiện ngay vụ kế tiếp, chú trọng điều kiện lập địa, địa hình để khuyến cáo chủ rừng

trồng xen các loài cây gỗ lớn như lát hoa, trám, sấu với các loài cây gỗ nhỏ như mỡ, keo, quế ở những diện tích chân đồi, sườn đồi, mật độ trồng xen cây gỗ lớn không quá 200 cây/ha.

- Chỉ đạo thực hiện chăm sóc tốt diện tích rừng trồng đang trong chu kỳ chăm sóc và rừng trồng những năm trước đây; đồng thời triển khai hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với loài cây keo lai và keo tai tượng, nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế rừng trồng, góp phần phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu.

- Hướng dẫn, chỉ đạo người dân thực hiện chăm sóc tái sinh chồi mỡ theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Về nhân lực: Huy động người dân địa phương tích cực trồng lại rừng sau khai thác bảo đảm đúng khung thời vụ; khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan đoàn thể, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản đẩy mạnh việc trồng cây phân tán.

- Chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện tốt công tác chuẩn bị cây giống cho công tác trồng rừng.

## **5. Công tác thủy lợi**

Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, đặc biệt là các hồ chứa để đảm bảo nguồn nước tưới; tập trung sửa chữa, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; xây dựng kế hoạch tưới; xây dựng phương án phòng chống hạn cho cây trồng. Tăng cường công tác kiểm tra các công trình thủy lợi và công tác tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2020; thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn.

# **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn chỉ đạo sản xuất đảm bảo thời vụ, cơ cấu các loại cây trồng, các biện pháp kỹ thuật, đẩy nhanh việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tập trung vào các cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nông sản; kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

- Hướng dẫn chi tiết về cơ cấu, chủng loại giống để phục vụ sản xuất.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp kỹ thuật canh tác, biện pháp quản lý dịch hại trên cây trồng; thực hiện công tác dự tính, dự báo tình hình phát sinh phát triển của sâu, bệnh hại và có phương án phòng, chống dịch kịp thời. Thanh tra chuyên ngành về trồng trọt và BVTV để tăng cường công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác phát triển chăn nuôi và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống đói, rét cho đàn vật nuôi trong vụ

xuân năm 2020 đạt hiệu quả. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, vật lực để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn. Thanh tra chuyên ngành, kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo các Ban Quản lý Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững các huyện, thành phố, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn chuẩn bị đầy đủ số lượng, chủng loại cây giống, hiện trường trồng rừng đảm bảo theo kế hoạch.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và lấy mẫu giám sát sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn theo dõi, quản lý nguồn nước, tích nước, vận hành, điều tiết hồ chứa theo quy trình; phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra việc sửa chữa, nạo vét kênh mương, phát dọn cây cối, khơi thông dòng chảy; bảo dưỡng sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; hướng dẫn các biện pháp tưới tiêu hợp lý; xây dựng phương án phòng chống thiên tai đảm bảo kế hoạch sản xuất vụ xuân năm 2020.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến nông dân về sử dụng các giống lúa thuần, giống lúa tiến bộ kỹ thuật có năng suất, chất lượng đưa vào sản xuất; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất cây trồng để nâng cao hiệu quả kinh tế; lựa chọn các giống cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để khuyến cáo đến người dân, như giống có khả năng chịu hạn, chịu úng, giống có khả năng thâm canh...

- Định kỳ hàng tháng, quý báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án sản xuất theo quy định.

## **2. Các Sở, ban, ngành liên quan**

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh có phương án hỗ trợ kịp thời trong sản xuất nông lâm nghiệp, chống thiên tai, dịch bệnh và phòng chống cháy rừng.

- Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng cường thời lượng phát sóng, thông tin tuyên truyền về các biện pháp kỹ thuật, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông lâm nghiệp.

## **3. UBND các huyện, thành phố**

- Tổ chức triển khai phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 và giao chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương trên địa bàn. Chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc các huyện, thành phố tăng cường phối hợp với các đơn vị trong ngành Nông nghiệp và PTNT trong công tác kiểm tra chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hộ nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; tăng cường công tác điều tra, dự tính dự báo sinh vật gây

hại trên cây trồng; kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch được giao; trên cơ sở đó hàng tháng các cấp uỷ Đảng, chính quyền tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất các giải pháp phù hợp.

- Chủ động xây dựng và triển khai phương án phòng chống dịch bệnh, đôn đốc trên cây trồng, vật nuôi phù hợp với thực tiễn tại địa phương; cân đối, bố trí ngân sách địa phương để hỗ trợ trồng cây phân tán theo kế hoạch tạm giao.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực chuyển đổi tổ chức sản xuất theo mô hình sản xuất tổ hợp tác, nhóm hộ hoặc hợp tác xã để sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, đảm bảo đáp ứng về số lượng, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo nhu cầu của thị trường.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cân đối ngân sách địa phương để hỗ trợ trồng cây phân tán theo kế hoạch tạm giao. Cơ cấu cây trồng là các loài cây gỗ lớn như lát hoa, trám (trám trắng, trám đen), tông dù (sao) sấu, giổi xanh, xoan ta...

- Duy trì chế độ thông tin báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trên; trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đo Thị Minh Hoa**





**BIỂU 1: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ XUÂN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

	DVT	Các huyện, thành phố									
		Tổng số	TP.BK	Ba Bể	B.Thông	N.Sơn	Na Rì	C. Mới	C. Đồn	Pác Nặm	
<b>Diện tích cây lương thực có hạt</b>	Ha	16.998	400	2.750	1.750	900	3.550	2.198	2.750	2.700	
<b>Sản lượng lương thực có hạt</b>	Tấn	86.699	2.063	14.250	9.750	4.320	17.770	10.791	14.900	12.855	
Trong đó:	Tấn	46.728	1.613	8.960	6.900	795	8.800	5.400	9.860	4.400	
	Tấn	39.971	450	5.290	2.850	3.525	8.970	5.391	5.040	8.455	
<b>1 CÂY LÚA</b>		-									
Vụ xuân:	Ha	8.300	300	1.600	1.150	150	1.600	1.000	1.700	800	
+ Năng suất	Tạ/ha	56,30	53,80	56,00	60,00	53,00	55,00	54,00	58,00	55,00	
+ Sản lượng	Tấn	46.728	1.613	8.960	6.900	795	8.800	5.400	9.860	4.400	
<i>Trong đó:</i>		-									
Diện tích sử dụng giống lúa chất lượng (diện tích sử dụng giống Japonica là 270 ha)	ha	1.470	40	350	200	20	300	80	400	80	
Diện tích sản xuất lúa chất lượng gắn với tiêu thụ sản phẩm	ha	220			50	-	-	-	170	-	
Diện tích chuyển đổi cơ cấu trên đất lúa	ha	273	5,0	77,6	50,0	54,8	14,0	20,0	23,2	28,0	
Duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 và 2019	ha	1.610	35	230	220	703	168	110	70	74	
<b>2 CÂY NGŨ</b>											
Vụ xuân:	Ha	8.698	100	1.150	600	750	1.950	1.198	1.050	1.900	
+ Năng suất	Tạ/ha	46,0	45,0	46,0	47,5	47,0	46,0	45,0	48,0	44,5	
+ Sản lượng	Tấn	39.971	450	5.290	2.850	3.525	8.970	5.391	5.040	8.455	
<b>2 CÂY CHẤT BỘT</b>											
2.1 Cây khoai lang:	Ha	1.002	15	180	120	20	410	142	70	45	
+ Năng suất	Ha	230	-	10	40	10	50	65	30	25	
+ Sản lượng	Tạ/ha	51,30		54,00	55,00	40,00	50,00	53,00	53,00	45,00	
	Tấn	1.180	-	54	220	40	250	345	159	113	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các huyện, thành phố									
			Tổng số	TP.BK	Ba Bể	B.Thông	N.Sơn	Na Ri	C. Mới	C. Đôn	Pác Nặm	
2.2	Cây khoai môn: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha Tạ/ha Tấn	252 92,54 2.332	15 85,00 128	20 83,00 166	30 85,00 255	10 70,00 70	60 99,00 594	57 95,00 542	40 97,00 388	20 95,00 190	
2.3	Cây dong riềng: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha Tạ/ha Tấn	520 753,37 39.175	-	150 720,00 10.800	50 727,00 3.635	-	300 778,00 23.340	20 700,00 1.400	-	-	
	Trong đó:											
	Diện tích trồng giống địa phương	Ha	170		100	50		-	20	-	-	
	Diện tích thâm canh, lên luống	Ha	150		50	0		100		-	-	
3	<b>CÂY RAU, ĐẬU CÁC LOẠI</b>		1.719	94	320	215	95	360	160	275	200	
3.1	Cây rau: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha Tạ/ha Tấn	1.390 128,74 17.895	90 130,00 1.170	300 130,00 3.900	200 130,00 2.600	80 125,00 1.000	200 130,00 2.600	100 125,00 1.250	250 130,00 3.250	170 125,00 2.125	
	Diện tích trồng rau được chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc VietGAP (thực hiện cả năm)	Ha	8	-	-	-	-	-	2	5	1	
	Diện tích trồng rau ứng dụng công nghệ cao (Thực hiện cả năm)	Ha	2						2			
3.2	Cây đậu đỗ: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha Tạ/ha Tấn	329 12,72 419	4 16,00 6,4	20 12,50 25,0	15 13,50 20,3	15 12,00 18,0	160 13,00 208,0	60 12,50 75,0	25 12,00 30,0	30 12,00 36,0	
4	<b>CÂY CÔNG NGHIỆP</b>		1.715	20	60	185	730	280	192	75	173	
4.1	Cây Đậu tương: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha Tạ/ha Tấn	235 17,52 412	-	15 17,50 26	15 18,00 27	15 17,00 26	100 17,00 170	50 19,00 95	20 17,00 34	20 17,00 34	
4.2	Cây lạc: + Diện tích + Năng suất + Sản lượng	Ha tạ/ha tấn	270 20,7 560	5 18,20 9	25 18,20 46	25 19,00 48	15 18,20 27	90 22,62 204	50 21,20 106	45 20,80 94	15 18,00 27	
4.3	Thuốc lá + Diện tích	ha	855			100	700	20	25	10		



TT	Chay lieu DAN TINH	DVT	Các huyện, thành phố											
			Tổng số	TP.BK	Ba Bè	B.Thông	N.Sơn	Na Rì	C. Mới	C. Đôn	Pác Nặm			
	+ Năng suất	tạ/ha	21,90			23,00	22,00	18,00	19,00	19,00				
	+ Sản lượng	tấn	1.873	-	-	230	1.540	36	48	19				
<b>4.4</b>	<b>Năng suất</b>	ha	<b>260</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	-	<b>70</b>	<b>67</b>	-			<b>88</b>	
	+ Sản lượng	tạ/ha	285,15		280,00	280,00		280,00	300,00				280,00	
<b>4.5</b>	<b>Cây nghệ:</b>	tấn	<b>7.414</b>	-	280	700,00		1.960	2.010				2.464	
	+ Diện tích	Ha	<b>95</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>20</b>		-					<b>50</b>	
	+ Năng suất	Tạ/ha	225,26	250,00	255,00	255,00							200,00	
	+ Sản lượng	Tấn	2.140	375	255	510							1.000	
<b>4.6</b>	<b>Chè</b>	ha	<b>2.020</b>	<b>30</b>	<b>680</b>	<b>40</b>		<b>50</b>	<b>740</b>	<b>480</b>				
	+ DT cho thu hoạch	ha	1.915	30	650	35,0		50	680	470				
	+ Năng suất	tạ/ha	48,66	38,80	51,27	46,00		45,00	53,00	40,00				
	+ Sản lượng	tấn	9.319	116	3.333	161		225	3.604	1.880				
	Cải tạo, thâm canh chè	Ha	150		10	10			20	110				
	Diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP, chè hữu cơ	Ha	70		5	10		-	25	30				
<b>5</b>	<b>CÂY ĂN QUẢ</b>	ha	<b>6.380</b>	<b>384</b>	<b>1.291</b>	<b>1.803</b>	<b>162</b>	<b>571</b>	<b>875</b>	<b>785</b>			<b>509</b>	
<b>5.1</b>	<b>Cam, quýt: + Diện tích</b>	ha	<b>3.161</b>	<b>85</b>	<b>193</b>	<b>1.551</b>	<b>45</b>	<b>472</b>	<b>270</b>	<b>512</b>			<b>33</b>	
	+ DT cho thu hoạch	Ha	2.222	62	128	1.250	11	164	180	406			21	
	+ Năng suất	tạ/ha	105,14	87,50	88,00	115,00	60,00	85,00	90,00	100,00			85,00	
	+ Sản lượng	tấn	23.362	543	1.126	14.375	66	1.394	1.620	4.060			179	
	Trong đó													
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc VietGAP	ha	50	10	-	20		5	5	10			-	
	Diện tích thâm canh, cải tạo	ha	585	20	50	250	5	110	50	100			-	
	Diện tích trồng mới		80	-	30	50	-	-	-	-			-	
<b>5.2</b>	<b>Hồng không hạt: + Diện tích</b>	ha	<b>765</b>	<b>17</b>	<b>323</b>	<b>47</b>	<b>89</b>	<b>20</b>	<b>38</b>	<b>169</b>			<b>62</b>	
	+ DT cho thu hoạch	Ha	473	10	205	45	40	12	26	105			30	
	+ Năng suất	tạ/ha	48,25	56,00	45,00	45,00	36,80	45,00	45,00	61,70			45,00	
	+ Sản lượng	tấn	2.282	56	923	203	147	54	117	648			135	
	Trong đó													

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các huyện, thành phố											
			Tổng số	TP.BK	Ba Bể	B.Thông	N.Sơn	Na Ri	C. Mới	C. Đôn	Pác Nặm			
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc VietGAP	ha	7		2			-					5	
	Diện tích thâm canh, cải tạo	ha	55		25			20					10	
	Trong đó, trồng mới	Ha	55		30			15					10	
<b>5.3</b>	<b>Cây mơn: + Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>523</b>	<b>119</b>	<b>-</b>	<b>125</b>		<b>-</b>				<b>250</b>	<b>29</b>	<b>-</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	264	45		50						140	29	
	+ Năng suất	Tạ/ha	74,80	60,00		57,00						90,00	55,00	
	+ Sản lượng	Tấn	1.975	270		285						1.260	160	
	Trong đó													
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc VietGAP	ha	35				15					20		
	Diện tích thâm canh, cải tạo	ha	40				25					15		
	Diện tích trồng mới	Ha	40				40							
<b>5.4</b>	<b>Cây mận: + Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>696</b>	<b>3</b>	<b>275</b>	<b>20</b>		<b>28</b>			<b>14</b>	<b>17</b>	<b>75</b>	<b>264</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	435	2	180	16		18			14	10	40	155
	+ Năng suất	Tạ/ha	49,60	58,00	57,00	45,00		42,00			49,00	50,00	58,50	40,00
	+ Sản lượng	Tấn	2.158	12	1.026	72		76			69	51	234	620
<b>5.5</b>	<b>Cây chuối + Diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>1.235</b>	<b>160</b>	<b>500</b>	<b>60</b>					<b>65</b>	<b>300</b>		<b>150</b>
	+ Năng suất	tạ/ha	120	120	120	120					120	120	120	120
	+ Sản lượng	tấn	14.820	1.920	6.000	720					780	3.600		1.800
<b>6</b>	<b>Diện tích đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng/ha/năm</b>	<b>ha</b>	<b>3.500</b>	<b>200</b>	<b>430</b>	<b>550</b>		<b>850</b>		<b>450</b>	<b>430</b>	<b>430</b>	<b>430</b>	<b>160</b>

**BIỂU 2: KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*



Đơn vị		Tổng điều chỉnh	Trồng cây phân tán	Trồng lại rừng sau khai thác, tự đầu tư trồng rừng	
1	Huyện Ba Bể	640	240	400	
1.1	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững Vườn Quốc gia Ba Bể	30	30		
1.2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Ba Bể	610	210	400	
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Bạch Thông	700	250	450	
3	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Chợ Đồn	1.080	500	580	
4	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Chợ Mới	1.170	270	900	
5	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Na Rì	870	270	600	
6	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Ngân Sơn	550	200	350	
7	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Pác Nặm	320	70	250	
8	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững thành phố Bắc Kạn	220	100	120	
9	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn	350		350	
<b>Cộng:</b>		<b>5.900</b>	<b>1.900</b>	<b>4.000</b>	

BIỂU 3: KẾ HOẠCH KHAI THÁC GỖ VÀ LÂM SẢN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các huyện, thành phố									
			Tổng 2020	TPBK	Ba Bể	B.Thông	N.Sơn	Na Rì	C. Mới	C. Đồn	Pác Nặm	
-	Gỗ	m <sup>3</sup>	255.900	16.000	43.000	20.000	30.000	38.200	52.500	40.000	16.200	
-	Củi	Ste	380.000	20.000	50.000	20.000	60.000	70.000	80.000	60.000	20.000	
-	Luồng, vầu	Tán	10.000	300	1.500	1.400	1.500	1.600	1.400	1.800	500	
-	Nứa	Tán	5.100	100	600	700	300	1.200	500	1.500	200	
-	Nguyên liệu giấy	Tán	3.800	300	500	500	500	500	600	600	300	
-	Nhựa Thông	Tán	100				100					
-	Quế	Tán	500	100		100		100	100	100		